TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TĨNH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HSST
Ngày: 20/5/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Quốc Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Duy Cừ

- Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2020/TLST-HS, ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HS ngày 07/5/2020 đối với bị cáo:

Trần Thị Thu H, Sinh ngày: 13/8/1976; Nơi sinh: xã T, huyện Th tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T và bà: Trần Thị L; Chồng: Không (từng kết hôn với anh Phạm Minh T); Con: có 01con, sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/01/2020 đến nay tại phường N, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1990; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trú tại: Tổ dân phố 1, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt - đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Anh Trịnh Văn S; sinh năm 1966; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trú tại: Tổ dân phố 2, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt -đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Chị Đào Thị M; sinh năm 1984; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trú tại: Tổ dân phố 1, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt- đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị Hoài N; sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trú tại: Tổ dân phố 4, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt - đề nghị xét xử vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị Cẩm G; sinh năm 1989; Nghề nghiệp: Tư vấn chăm sóc sức khỏe; Trú tại: Tổ dân phố 1, phường S, thị xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt - đề nghị xét xử vắng mặt).

* **Người làm chứng:**

Chị Dương Thị H; sinh năm 1969; Trú tại: Tổ dân phố 2, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/9/2018 đến ngày 11/6/2019, tại ki ốt bán sim thẻ điện thoại số 01 đường V thuộc phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Trần Thị Thu H đã nhiều lần cho chị Nguyễn Thị T, trú tại phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh và ông Trịnh Văn S, trú tại phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh vay tiền. Tổng số tiền H cho chị T, ông S vay là 172.000.000 đồng, với lãi suất H cho vay 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với lãi suất 0,3%/1 ngày, 109,5%/1 năm. Việc thỏa thuận vay giữa Trần Thị Thu H và những người vay tiền thực hiện thanh toán lãi hàng tháng, mỗi tháng tính 30 ngày và không thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền gốc; mức lãi suất H cho vay cao gấp 5,475 lần so mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền 115.268.520 đồng. Cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị T: Từ ngày 17/9/2018 đến ngày 11/6/2019, Trần Thị Thu H cho chị Nguyễn Thị T vay tiền 04 lần với mức lãi suất cho vay cao gấp 5,475 lần so mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Vào ngày 17/9/2018 Trần Thị Thu H cho chị Nguyễn Thị T vay 30.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận thời điểm vay là 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với lãi suất 109,5%/01 năm. Mỗi tháng chị Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Trần Thị Thu H 2.700.000 đồng tiền lãi. Đến tháng 02/2019, Trần Thị Thu H đã thu số tiền gốc 30.000.000 đồng và 5 tháng tiền lãi 13.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị T. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Trần Thị Thu H được phép thu là 2.466.000 đồng. Như vậy, số tiền mà H đã thu lợi bất chính là 13.500.000 đồng - 2.466.000 đồng = 11.034.000 đồng.

Lần thứ 2: Vào ngày 19/10/2018 Trần Thị Thu H cho chị Nguyễn Thị T vay 40.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận thời điểm vay 3000 đồng/1.000.000

đồng/01 ngày tương ứng với lãi suất 109,5%/01 năm. Mỗi tháng chị Nguyễn Thị T thanh toán cho Trần Thị Thu H 3.600.000 đồng tiền lãi. Đến tháng 12/2019, Trần Thị Thu H đã thu 14 tháng tiền lãi của chị Nguyễn Thị T với số tiền 50.400.000 đồng. Số tiền gốc T còn nợ H chưa thanh toán. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Trần Thị Thu H được phép thu là 9.206.400 đồng. Như vậy, số tiền mà H đã thu lợi bất chính là 50.400.000 đồng - 9.206.400 đồng = 41.193.600 đồng.

Lần thứ 3: Vào ngày 24/5/2019 Trần Thị Thu H cho chị Nguyễn Thị T vay 30.000.000 đồng mức lãi suất thỏa thuận thời điểm vay 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với lãi suất 109,5%/01 năm. Mỗi tháng chị Nguyễn Thị T thanh toán cho Trần Thị Thu H 2.700.000 đồng tiền lãi. Đến tháng 11/2019, Trần Thị Thu H đã thu 06 tháng tiền lãi của chị Nguyễn Thị T với số tiền 16.200.000 đồng. Số tiền gốc T còn nợ H chưa thanh toán. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Trần Thị Thu H được phép thu là 2.959.200 đồng. Như vậy, số tiền mà H đã thu lợi bất chính là 16.200.000 đồng - 2.959.200 đồng = 13.240.800 đồng.

Lần thứ 4: Vào ngày 11/6/2019 Trần Thị Thu H cho chị Nguyễn Thị T vay 32.000.000 đồng mức lãi suất thỏa thuận thời điểm vay 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với lãi suất 109,5%/01 năm. Mỗi tháng chị Nguyễn Thị T thanh toán cho Trần Thị Thu H 2.880.000 đồng tiền lãi. Đến tháng 12/2019, Trần Thị Thu H đã thu 06 tháng tiền lãi của chị Nguyễn Thị T với số tiền 17.280.000 đồng. Số tiền gốc T còn nợ H chưa thanh toán. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Trần Thị Thu H được phép thu là 3.156.480 đồng. Như vậy, số tiền mà H đã thu lợi bất chính là 17.280.000 đồng - 3.156.480 đồng = 14.123.520 đồng.

Như vậy, tổng số tiền 04 lần Trần Thị Thu H cho chị Nguyễn Thị T vay là 132.000.000 đồng, H đã thu lợi bất chính 79.591.920 đồng. Số tiền gốc chị Nguyễn Thị T đã thanh toán 30.000.000 đồng, còn 102.000.000 đồng nợ H chưa thanh toán.

2. Ông Trịnh Văn S: Vào ngày 03/11/2018, Trần Thị Thu H cho ông Trịnh Văn S vay 40.000.000 đồng mức lãi suất thỏa thuận thời điểm vay 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với lãi suất 109,5%/01 năm. Mỗi tháng ông Trịnh Văn S thanh toán cho Trần Thị Thu H 3.600.000 đồng tiền lãi. Đến tháng 8/2019, Trần Thị Thu H đã thu 09 tháng tiền lãi của ông S với số tiền 32.400.000 đồng. Đến 9/2019 ông Trịnh Văn S đã thanh toán cho H 5.000.000 đồng tiền gốc và 3.150.000 đồng tiền lãi. Đến tháng 10/2019 ông Trịnh Văn S đã thanh toán cho H 5.000.000 đồng tiền gốc và đến tháng 12/2019 ông S đã thanh toán cho H 3 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 8.100.000 đồng. Tính đến ngày 03/12/2019 tổng tiền lãi H đã thu 43.650.000 đồng, số tiền gốc ông S còn nợ H chưa thanh toán là 30.000.000 đồng. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Trần Thị Thu H được phép thu là 7.973.400 đồng. Như vậy, số tiền mà H đã thu lợi bất chính là 43.650.000 đồng - 7.973.400 đồng = 35.676.600 đồng.

* Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định được Trần Thị Thu H còn cho chị Nguyễn Thị Cẩm G (sinh năm 1989, trú tại phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh), chị Nguyễn Thị Hoài N (sinh năm 1985, trú tại phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh) và chị Đào Thị M (sinh năm 1984, trú tại phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh) vay tổng số tiền 225 triệu đồng, với lãi suất H cho vay 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với lãi suất 0,3%/1 ngày, 109,5%/1 năm. Việc thỏa thuận vay giữa Trần Thị Thu H và những người vay tiền thực hiện thanh toán lãi hàng tháng, mỗi tháng tính 30 ngày và không thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền gốc; mức lãi suất Hà cho vay cao gấp 5,475 lần so mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền 75.766.800 đồng. Cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị Cẩm G: Từ tháng 12/2017 đến tháng 8/2019, Trần Thị Thu H cho chị Nguyễn Thị Cẩm G vay tiền 03 lần với mức lãi suất cho vay cao gấp 5,475 lần so mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Vào tháng 12/2017 qua sự giới thiệu của chị Hoàng Thị H (sinh năm 1983, trú tại xóm T, xã T, thành phố H là bạn của G), Trần Thị Thu H cho chị Nguyễn Thị Cẩm G vay 70.000.000 đồng mức lãi suất thỏa thuận thời điểm vay 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với lãi suất 109,5%/01 năm. Mỗi tháng chị G thanh toán cho Trần Thị Thu H 6.300.000 đồng tiền lãi. Vào tháng 3/2018 chị Nguyễn Thị Cẩm G đã thanh toán cho Trần Thị Thu H 03 tháng tiền lãi 18.900.000 đồng và số tiền gốc 70.000.000 đồng. Đối với khoản vay trên từ ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực thi hành) chị Nguyễn Thị Cẩm G đã thanh toán cho Trần Thị Thu H 02 tháng tiền lãi tương ứng với số tiền 12.600.000 đồng. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Trần Thị Thu H được phép thu là 2.301.600 đồng. Như vậy, số tiền mà H đã thu lợi bất chính là 12.600.000 đồng - 2.301.600 đồng = 10.298.400 đồng.

Lần thứ 2: Vào ngày 13/5/2019, Trần Thị Thu H cho chị Nguyễn Thị Cẩm G vay số tiền 30.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận thời điểm vay 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với lãi suất 109,5%/01 năm, khi vay tiền chị G nhờ Hoàng Thị H đến nhận tiền. Mỗi tháng chị Nguyễn Thị Cẩm G thanh toán cho Trần Thị Thu H 2.700.000 đồng tiền lãi. Đến tháng 11/2019, Trần Thị Thu H đã thu 06 tháng tiền lãi của chị Nguyễn Thị Cẩm G với số tiền 16.200.000 đồng. Số tiền gốc chị G còn nợ H chưa thanh toán. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Trần Thị Thu H được phép thu là 2.959.200 đồng. Như vậy, số tiền mà H đã thu lợi bất chính là 16.200.000 đồng - 2.959.200 đồng = 13.240.800 đồng.

Lần thứ 3: Vào ngày 08/8/2019 Trần Thị Thu H cho chị Nguyễn Thị Cẩm G vay 20.000.000 đồng mức lãi suất thỏa thuận thời điểm vay 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với lãi suất 109,5%/01 năm. Mỗi tháng chị Nguyễn Thị Cẩm G thanh toán cho Trần Thị Thu H 1.800.000 đồng tiền lãi. Đến tháng 12/2019, Trần Thị Thu H đã thu 04 tháng tiền lãi của chị Nguyễn Thị Cẩm G với số tiền

7.200.000 đồng. Số tiền gốc chị G còn nợ H chưa thanh toán. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Trần Thị Thu H được phép thu là 1.315.200 đồng. Như vậy, số tiền mà Hà đã thu lợi bất chính là 7.200.000 đồng - 1.315.200 đồng = 5.884.800 đồng.

Như vậy, tổng số tiền 03 lần Trần Thị Thu H cho chị Nguyễn Thị Cẩm Gvay là 120.000.000 đồng, H đã thu lợi bất chính 29.424.000 đồng. Số tiền gốc đã thanh toán 70.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng chị G còn nợ H chưa thanh toán.

2. Chị Nguyễn Thị Hoài N: Vào ngày 31/5/2019 Trần Thị Thu H cho chị Nguyễn Thị Hoài N vay 55.000.000 đồng mức lãi suất thỏa thuận thời điểm vay 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với lãi suất 109,5%/01 năm. Mỗi tháng chị Nguyễn Thị Hoài N thanh toán cho Trần Thị Thu H 4.950.000 đồng tiền lãi, Trần Thị Thu H đã thu 06 tháng tiền lãi của chị N với số tiền 29.700.000 đồng. Số tiền gốc chị N còn nợ H chưa thanh toán. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Trần Thị Thu H được phép thu là 5.425.200 đồng. Như vậy, số tiền mà H đã thu lợi bất chính là 29.700.000 đồng - 5.425.200 đồng = 24.274.800 đồng.

3. Chị Đào Thị M: Vào ngày 20/6/2019, Trần Thị Thu H cho chị Đào Thị M vay 50.000.000 đồng mức lãi suất thỏa thuận thời điểm vay 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với lãi suất 109,5%/01 năm. Chị Nguyễn Thị T là người nhận tiền giúp chị M. Mỗi tháng chị M thanh toán cho Trần Thị Thu H 4.500.000 đồng tiền lãi. Đến tháng 12/2019, Trần Thị Thu H đã thu 06 tháng tiền lãi của chị M với số tiền 27.000.000 đồng. Số tiền gốc chị M còn nợ H chưa thanh toán. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Trần Thị Thu H được phép thu là 4.932.000 đồng. Như vậy, số tiền mà H đã thu lợi bất chính là 27.000.000 đồng - 4.932.000 đồng = 22.068.000 đồng. Đến hồi 15 giờ 45 phút ngày 09/01/2020, khi chị Nguyễn Thị Cẩm G và chị Nguyễn Thị Hoài N đang thanh toán tiền lãi cho Trần Thị Thu H tại ki ốt bán sim thẻ điện thoại số 01 đường V thuộc phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thì bị tổ công tác Công an thành phố Hà Tĩnh phát hiện triệu tập về trụ sở Cơ quan Công an làm việc. Quá trình điều tra, Trần Thị Thu H thừa nhận hành vi phạm tội của mình

Bản cáo trạng số 28/CT-VKSTPHT ngày 31/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Trần Thị Thu H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Thu H từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: phạt tiền đối với bị cáo Trần Thị Thu H từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 191.035.320 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà bị cáo Trần Thị Thu H đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị

Nguyễn Thị T, ông Trịnh Văn S, chị Đào Thị M, chị Nguyễn Thị Hoài N và chị Nguyễn Thị Cẩm G. Những người này có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên nên buộc bị cáo phải trả lại số tiền 191.035.320 đồng cho những người liên quan nói trên; Đối với số tiền 42.694.680 đồng là khoản tiền lãi không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà bị cáo Trần Thị Thu H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đây là số tiền thu lợi bất chính của bị cáo H nên cần truy thu sung quỹ nhà nước; Đối với số tiền 287.000.000 đồng là tiền gốc của bị cáo Trần Thị Thu H mà những người vay đang chiếm giữ thì cần truy thu từ người đang chiếm giữ; Đối với số tiền gốc 110.000.000 đồng bị cáo H đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì cần truy thu từ bị cáo H và đề nghị xử lý vật chứng của vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có ý kiến tranh luận, trong phần lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng hình phạt tiền.

Quá trình điều tra, truy tố những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo Trần Thị Thu H phải trả lại khoản tiền lãi mà bị cáo đã thu vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự gồm: ông Trịnh Văn S 35.676.600 đồng; chị Nguyễn Thị T 79.591.920 đồng; chị Đào Thị M 22.068.000 đồng; Nguyễn Thị Hoài N 24.274.800 đồng và chị Nguyễn Thị Cẩm G 29.424.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo Trần Thị Thu H đã hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền trên. Nay những người này không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử:*

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Tĩnh, Kiểm sát viên và cơ quan Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về chứng cứ xác định tội danh:*

2.1 Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Thu H khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 08/8/2019, tại ki ốt bán sim thẻ điện thoại số 01 đường V thuộc phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Trần Thị Thu H cho vay tổng số tiền 397.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày tương đương lãi suất 109,5%/1 năm (các khoản cho vay lãi suất đều cao gấp 5,475 lần của mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự); tổng số tiền lãi Trần Thị Thu H đã thu 233.730.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp

luật là 42.694.680 đồng (không quá 20%/năm), cụ thể việc cho vay: Trần Thị Thu H đã 04 lần cho chị Nguyễn Thị T vay số tiền 132.000.000 đồng, thu lợi bất chính 79.591.920 đồng; cho ông Trịnh Văn S vay 40.000.000 đồng, thu lợi bất chính 35.676.600 đồng. Ngoài ra, Trần Thị Thu H còn 03 lần cho chị Nguyễn Thị Cẩm G vay số tiền 120.000.000 đồng, thu lợi bất chính 29.424.000 đồng; cho chị Nguyễn Thị Hoài N vay 55.000.000 đồng, thu lợi bất chính 24.274.800 đồng; cho chị Đào Thị M vay 50.000.000 đồng, thu lợi bất chính 22.068.000 đồng. Tổng số tiền Trần Thị Thu H đã thu lợi bất chính từ việc cho vay tiền là 191.035.320 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của bị cáo Trần Thị Thu H cho người khác vay tiền với lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/năm, cao gấp 5,475 lần so với mức lãi suất tối đa trong giao dịch dân sự được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Thu lợi bất chính số tiền 191.035.320 đồng. Hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết tội Trần Thị Thu H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

2.2 Đối với Hoàng Thị H là người giới thiệu chị Nguyễn Thị Cẩm G và chị Nguyễn Thị Hoài N đến vay tiền của Trần Thị Thu H nhưng không có căn cứ xác định H được hưởng lợi từ việc Trần Thị Thu H cho vay. Đối với các khoản Trần Thị Thu H cho Hoàng Thị H vay ngày 27/02/2019 và 08/4/2019, qua xác minh xác định Hoàng Thị H không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ thông tin nên Cơ quan điều tra tách ra để xử lý sau là phù hợp.

[3]. *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

3.1 Xét tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Trần Thị Thu H phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội từ 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51của Bộ luật hình sự. Bị cáo có bố là người có công (được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, người được hưởng chính sách thương binh); Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án bị cáo Trần Thị Thu H đã tự nguyện hoàn trả đầy đủ số tiền 191.035.320 đồng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

3.2 Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc loại ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo là phụ nữ, đã ly hôn, đang phải nuôi con ăn học. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo và hoàn trả đầy đủ số tiền thu lợi là 191.035.320 đồng, cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, khi xem xét lượng hình cần cho bị cáo được

hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, xử phạt bị cáo hình phạt tiền cũng đảm bảo việc răn đe và giáo dục đối với bị cáo.

[4]. *Xét luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị đối với bị cáo Trần Thị Thu H là chưa thỏa đáng.

[5]. *Về biện pháp tư pháp:*

5.1 Đối với số tiền gốc 397.000.000 đồng mà bị cáo Trần Thị Thu H sử dụng cho 05 cá nhân vay với lãi suất 109,5%/năm, cao gấp 5,475 lần so với mức lãi suất tối đa trong giao dịch dân sự được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Thị Thu H đã thu về số tiền gốc 110.000.000 đồng nên cần truy thu từ bị cáo H số tiền trên; Đối với số tiền gốc còn lại là 287.000.000 đồng (gồm: chị Nguyễn Thị T số tiền 102.000.000 đồng; anh Trịnh Văn S số tiền 30.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Cẩm G số tiền 50.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Hoài N số tiền 55.000.000 đồng; chị Đào Thị M số tiền 50.000.000 đồng), hiện những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo H thì cần truy thu số tiền này tại những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã thu giữ ở người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Cẩm G số tiền 1.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Hoài N số tiền 1.000.000 đồng nên chị G, chị N được khấu trừ số tiền này.

5.2 Đối với khoản tiền lãi 191.035.320 đồng mà bị cáo Trần Thị Thu H đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị T, ông Trịnh Văn S, chị Nguyễn Thị Cẩm G, chị Nguyễn Thị Hoài N, chị Đào Thị M) vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự, thì cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều yêu cầu bị cáo Hà phải hoàn trả số tiền trên. Tuy nhiên, trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo H đã hoàn trả đầy đủ số tiền 191.035.320 đồng cho những người liên quan nói trên. Nay những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.3 Đối với khoản tiền lãi 42.694.680 đồng, không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà bị cáo H đả thu của 05 cá nhân vay. Đây là số tiền bị cáo Trần Thị Thu H thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

[6]. *Về xử lý vật chứng:*

6.1 Tịch thu bán nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Wiko màu đen có gắn các thẻ sim số 0847890777, số 0977842284 máy đã qua sử dụng của Trần Thị Thu H, đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

6.2 Tịch thu lưu giữ hồ sơ vụ án các vật chứng gồm: 01 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị Hoài N, 01 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị Cẩm G, 01 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị T, 01 giấy vay tiền mang tên Trịnh Văn S, 01 giấy vay tiền mang tên Đào Thị M.

[7].*Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự,

Tuyên bố **Trần Thị Thu H** phạm tội **"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"**.

Xử phạt: **Trần Thị Thu H 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).**

Về biện pháp tư pháp:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự: Truy thu nộp vào ngân sách nhà Nước số tiền gốc 397.000.000 đồng mà bị cáo Trần Thị Thu H sử dụng cho 05 cá nhân vay với lãi suất 109,5%/năm.Trong đó, truy thu tại bị cáo Trần Thị Thu H số tiền 110.000.000 đồng; Truy thu tại những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền gốc gồm: chị Nguyễn Thị T số tiền 102.000.000 đồng; anh Trịnh Văn S số tiền 30.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Cẩm G số tiền 50.000.000 đồng, được trừ số tiền 1.000.000 đồng đã bị thu giữ, chị Nguyễn Thị Cẩm G phải nộp tiếp số tiền 49.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Hoài N số tiền 55.000.000 đồng, được trừ số tiền 1.000.000 đồng đã bị thu giữ, chị Nguyễn Thị Hoài N phải nộp tiếp số tiền 54.000.000 đồng; chị Đào Thị M số tiền 50.000.000 đồng. Đây là số tiền bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự: truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 42.694.680 đồng tại bị cáo Trần Thị Thu H, đây là tiền thu lợi bất chính do hành vi phạm tội mà có.

Về vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu bán nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Wiko màu đen có gắn các thẻ sim số 0847890777, số 0977842284 máy đã qua sử dụng của Trần Thị Thu H là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Áp dụng khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu lưu giữ hồ sơ vụ án các vật chứng gồm: 01 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị Hoài N, 01 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị Cẩm G, 01 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị T, 01 giấy vay tiền mang tên Trịnh Văn S, 01 giấy vay tiền mang tên Đào Thị M.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/3/2020 giữa cán bộ Công an thành phố Hà Tĩnh và cán bộ Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh; biên bản giao nhận hồ sơ vụ án giữa cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh với cán bộ VKSND thành phố Hà Tĩnh).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Thị Thu H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND TP Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- CQ ĐT CATP Hà Tĩnh;
- T.H.A.P.T;
- CQTHADS T.P Hà Tĩnh;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Quốc Dũng